

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 24-01-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phú và bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1989 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Trịnh Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 51/2014/HSST ngày 16/01/2014 và bản án số 70/2015/HSST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 15/9/2017 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

Chị Lê Thị Ngọc G. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người làm chứng:

Chị Đoàn Thị Đ. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 12/9/2017, Vũ Văn T có ý định đột nhập vào quán cà phê A.N của chị Lê Thị Ngọc G tại thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để trộm cắp tài sản. Do vậy, T ngồi phía bên kia đường đến chờ đến 01 giờ ngày 13/9/2017, khi biết

gia đình chị G đã ngủ say thì T kéo tường rào lưới thép B40 rồi đột nhập vào trong quán. Lúc này, chị G và bà Đoàn Thị Đ đang ngủ trên giường, T đi đến vị trí xe mô tô 75H1-438.51 dùng tay nâng cốp xe lên để trộm cắp tài sản nhưng không được nên đi đến vị trí tủ kính bóc lấy tiền rồi đi ra ở góc quán để kiểm tra, sau khi kiểm tra xong, bị cáo tiếp tục quay lại vị trí ban đầu thì phát hiện có 01 quyển vở bên trong có 01 xấp tiền, T tiếp tục lấy xấp tiền rồi đi ra chỗ cũ kiểm tra, bỏ tiền vào túi quần rồi quay lại tủ kính lục tìm lấy tài sản lần thứ ba rồi theo vị trí cũ thoát ra ngoài. Đến sáng ngày 14/9/2017, chị G thức dậy phát hiện mất số tiền 7.300.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng; kiểm tra hình ảnh camera chống trộm chị G phát hiện có người đột nhập vào quán trộm cắp tài sản nên báo cơ quan Công an điều tra làm rõ. Sau khi trộm cắp được tài sản, T đón xe khách ra quê ở tỉnh Nghệ An, dùng tiền trộm cắp được vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến ngày 14/9/2017 T vào lại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị phát hiện, bắt giữ cùng với số tiền 252.000đ.

Ngày 23/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng bằng kim loại có đính 30 viên hạt màu trắng có giá trị 1.728.000đ; 01 nhẫn bằng vàng có đính 50 viên hạt màu trắng có giá trị 1.339.200đ; tổng số tài sản mà chị Lê Thị Ngọc G đã bị mất trộm là 10.367.200đ.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc thu giữ gồm: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 252.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng bằng kim loại, có chiều dài 35cm, trọng lượng 0,8 chỉ; 01 nhẫn bằng kim loại có màu vàng trọng lượng 0,62 chỉ, nhẫn có đính nhiều hạt ngọc màu trắng; 01 ổ đĩa CD-R 700Mh/80 min/52r (DVC) có ghi hình ảnh bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 7.300.000đ. Riêng đối với 01 dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng chị G đã được trả lại nên không yêu cầu T phải bồi thường. Bị cáo T chấp nhận bồi thường số tiền 7.300.000đ cho chị G nhưng hiện nay chưa có tiền bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 02/QĐ/KSĐT ngày 05/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Vũ Văn T bồi thường cho bị hại số tiền 7.300.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Ngọc G. Đối với số tiền 252.000đ thu giữ của bị cáo cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; ổ đĩa CD-R 700Mh/80 min/52r (DVC) là vật chứng cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 365.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo chiếm đoạt là 7.300.000đ, về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người làm chứng bà Đoàn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng bị cáo, bị hại cũng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, Hội đồng xét xử công bố toàn bộ lời khai của người vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vụ án là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 12/9/2017, Vũ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị Lê Thị Ngọc G tại quán cà phê A.N thuộc thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến 01 giờ ngày 13/9/2017, T đã có hành vi lén lút đột nhập vào quán của chị G, sau nhiều lần lục tìm tài sản, T đã trộm cắp số tiền 7.300.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Vũ Văn T chiếm đoạt của chị Lê Thị Ngọc G là 10.367.200đ.

[3] Bị cáo Vũ Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo có giá trị 10.367.200đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do trước khi xét xử đối với hành vi phạm tội lần này bị cáo Vũ Văn T đang thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do vậy, bản cáo trạng số 02/QĐ/KSĐT ngày 05/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của Vũ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương; bị cáo đã có 2 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đều bị Tòa án tuyên xử phạt tù nhưng

không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người tốt, nay lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 51/2014/HSST ngày 16/01/2014 và bản án số 70/2015/HSST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 7.300.000đ. Xét yêu cầu bồi thường của chị G là có căn cứ nên buộc bị cáo Vũ Văn T phải bồi thường cho chị G số tiền 7.300.000đ. Riêng đối với 01 dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng chị G đã được trả lại nên không yêu cầu T phải bồi thường

[10] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng là tài sản của người bị hại gồm 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị Ngọc G. Tại phiên tòa, chị G không có yêu cầu gì nên không xem xét. Đối với số tiền 252.000đ thu giữ của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 ổ đĩa CD-R 700Mh/80 min/52r (DVC) là vật chứng cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/9/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, khoản 1 Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Xử buộc bị cáo Vũ Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị Ngọc G số tiền 7.300.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bồi thường nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 252.000đ thu giữ của bị cáo Vũ Văn T để đảm bảo thi hành án.

- Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 ổ đĩa CD-R 700Mh/80 min/52r (DVC).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 365.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- Sở tư pháp tỉnh T.T-Huế;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Sang

